

## Điền lệ về Văn Miếu thời Nguyễn ở Đàng Trong

*Võ Nguyên Phong<sup>1</sup>*

Văn Miếu là tên gọi ngắn gọn của Văn Thánh Miếu, đây là nơi thờ đức Khổng Tử, người được tôn vinh là Vạn thế sư biểu - Bậc thầy của muôn đời, ở những nước có nền văn hóa Nho giáo. Đến thời chúa Nguyễn với hành trình mở cõi phương Nam ở Đàng Trong, cũng phát huy tinh thần trọng chữ thánh hiền, cùng quá trình di chuyển từ Bắc vào Nam, các Văn Miếu lần lượt được xây dựng cho từng khu vực phủ, dinh... thuộc Đàng Trong. Thời gian này không nhiều ghi chép về điền lệ, nhưng sau khi lập chính quyền ở Nam Kỳ, chúa Nguyễn mới ban hành một số quy định liên quan đến việc tế tự Văn Miếu. Đến thời nhà Nguyễn, việc đặt quy chế xây dựng và tế lễ ở Văn Miếu trở thành rất quy củ trong điền lệ triều Nguyễn. Đến năm 1803 vua Gia Long cho thiết lập đầy đủ hệ thống Văn Miếu ở các dinh trấn toàn quốc, góp phần hoàn chỉnh từng bước hệ thống thờ tự Văn Miếu ở Việt Nam thời nhà Nguyễn, thời gian sau các Văn Miếu được hoàn thiện và là trở thành nơi tế tự quan trọng bậc nhất của chính quyền các tỉnh tại địa phương. Việc khảo sát các điền lệ về quy cách xây dựng và nghi thức tế tự cho Văn Miếu giúp chúng ta hiểu xuyên suốt về hệ thống Văn Miếu thời Nguyễn ở Đàng Trong.

Thời chúa Nguyễn những Văn Miếu ở Đàng Trong được xây dựng đã biết được gồm Văn Miếu kinh thành (làng Triều Sơn, làng Long Hồ); Văn Miếu Trấn Biên (làng Tân Lại và Bình Thành); Văn Miếu Vĩnh Trấn (có lẽ ở làng Long Hồ); Văn Miếu Bình Khang (làng Toàn Thạnh); Văn Miếu Quảng Bình (làng Tiên An); Văn Miếu Quảng Trị (làng Phước Mỹ); Văn Miếu Quảng Nam (làng Câu Nhi). Đây là những tòa Văn Miếu có thông tin ghi chép trong chính sử hoặc trong các tư liệu địa dư cổ đã khảo sát được, rất có thể còn nhiều tòa Văn Miếu thời chúa Nguyễn nữa chưa được khảo sát và công bố. Tuy nhiên qua đây cho chúng ta thấy dù là ở giai đoạn chưa hoàn chỉnh về mặt chính quyền và cũng chiến tranh liên miên, nhưng chính quyền Đàng Trong đã thiết lập hệ thống Văn Miếu rất sớm nhằm xiển dương tinh thần khuyến học và đẩy mạnh truyền thống tôn sư trọng đạo. Tuy nhiên cũng như các ghi chép về các Văn Miếu giai đoạn này cũng không nhiều quy định liên quan Văn Miếu được ghi chép thời chúa Nguyễn khá ít ngoài một số ít thông tin nghèo nàn.

---

<sup>1</sup> ThS. Email : [phongvn.ciscom@gmail.com](mailto:phongvn.ciscom@gmail.com). ĐT : 0914113819

Trước đó hầu như không thấy thông tin về các quy định về Văn Miếu. Đến năm 1791 chúa Nguyễn cho định lệ lễ ở Văn Miếu cùng các miếu vũ khác “[Tháng 10 năm Tân Hợi] Định lệ lễ ở Văn Miếu và ở các miếu dự tự điển. Vua thấy sau con loạn lạc, việc tế lễ bỏ lâu, ra lệnh cho các dinh làm sổ kê những vị thần ở trong hạt đã được quốc tế mà dâng lên, sai công đồng bàn định thể lệ làm lễ để ban hành. (Văn Miếu, một sở ở Trấn Biên, một sở ở Vĩnh Trấn, mỗi năm lấy hai ngày Đinh mùa xuân và mùa thu để tế; tiền lễ mỗi nơi là 75 quan, sai phu mỗi nơi 20 người...)”<sup>2</sup>. Có lẽ đây là những định chế đầu tiên được ghi chép thành quy định về Văn Miếu dưới thời Nguyễn nhằm phục vụ công việc tế tự ở Văn Miếu. Lúc này chúa Nguyễn kiểm soát chính ở khu vực Nam Kỳ nên quy định chỉ áp dụng cho khu vực này, theo thời gian chúa Nguyễn kiểm soát dần ra Bắc và các quy định này áp dụng cho các vùng đất mới được kiểm soát. Điều này được minh chứng qua chi tiết đặt miếu phu ở dinh Bình Khang năm 1793 “[Tháng 10 năm Quý Sửu] Đặt 25 người miếu phu cho Văn Miếu Bình Khang”<sup>3</sup>. Cũng ở giai đoạn này Văn Miếu Trấn Biên sẽ là Văn Miếu tế tự chính của chúa Nguyễn, hãy xem một đoạn mô tả trong chính sử vào năm 1794 “[Tháng 2 năm Giáp Dần] Sửa lại Văn Miếu. Miếu ở dinh Trấn Biên, do Hiến tông Hiếu Minh hoàng đế dựng, lâu năm đổ nát, nay nhân nền cũ mà sửa sang lại. Sai Lễ bộ Nguyễn Đô trông coi công việc. Thể chế thì ở giữa là điện Đại thành, cửa Đại thành, bên đông là Thần khố, bên tây là đền Dục thánh, bên tả là cửa Kim thanh, bên hữu là cửa Ngọc chấn, phía trước dựng các Khuê văn, treo chuông trống ở trên, bên tả là nhà Sùng văn, bên hữu là nhà Dục lễ, xung quanh có thành vuông, trước là cửa Văn Miếu và hai cửa Nghi môn tả hữu. Đặt 50 người lễ sinh và 50 người miếu phu”<sup>4</sup>. Ngoài quy mô khá lớn với đầy đủ các công trình kiến trúc lớn và uy nghi, kể cả Khuê Văn Các, chúa Nguyễn còn đặt riêng cho Văn Miếu Trấn Biên 50 người lễ sinh và 50 người phu miếu. Nên nhớ là vào năm 1791, chúa Nguyễn chỉ đặt ở các Văn Miếu khác là 20 người phu miếu. Qua thông tin này cho chúng ta thấy Văn Miếu Trấn Biên giai đoạn đó quan trọng như thế nào. Trong hai năm 1798-1799, thân chinh chúa Nguyễn trực tiếp tham dự cả 3 kỳ tế lễ liên tục tại Văn Miếu gồm lễ Tế Xuân (tháng 2)<sup>5</sup> và Tế Thu (tháng 8)<sup>6</sup> năm 1798 cùng Tế Xuân (tháng 2)<sup>7</sup> năm 1799, việc này được ghi chép trong chính sử.

<sup>2</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 277.

<sup>3</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 300.

<sup>4</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 306.

<sup>5</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 365.

<sup>6</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 371.

<sup>7</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 376.

Đến thời nhà Nguyễn kể từ năm 1802, một nền hành chính mới và thống nhất được thiết lập toàn cõi Việt Nam từ Bắc vào Nam, đều tập trung dưới quyền điều hành của vua Gia Long. Và đến năm 1803<sup>8</sup>, sau 1 năm thống nhất đất nước và đặt niên hiệu Gia Long, theo Đại Nam thực lục “[Tháng Giêng nhuận năm Quý Hợi (1803)] *Sai các dinh trấn đều lập nhà Văn miếu, mỗi miếu đặt 2 người điển hiệu, lễ sinh và miếu phu đều 30 người*”<sup>9</sup>. Như vậy ngoài hệ thống hành chính quản lý xã hội, vua Gia Long đã ưu tiên thiết lập hệ thống thờ tự Văn Miếu ở các tỉnh trên toàn cõi Việt Nam. Có lẽ ngoài những Văn Miếu đã có thời chúa Nguyễn được tiếp tục thờ tự, những Văn Miếu hàng tỉnh được xây mới từ năm 1803 ở các dinh trấn góp phần làm hoàn chỉnh hệ thống thờ tự Văn Miếu ở cả nước. Về tổ chức ban tế lễ lúc này phục vụ Văn Miếu có đặt gồm 2 người điển hiệu, lễ sinh và 30 phu miếu. Đến năm 1805, vua ban hành nghi tiết dùng cho nghi lễ ở Văn Miếu “[Tháng 10 năm Ất Sửu] *Ban nghi tiết tế tự ở Văn miếu*”<sup>10</sup>. Và tiếp theo đến năm 1808 tiếp tục quy định mới về Văn Miếu “[Tháng 4 năm Mậu Thìn] *Sai Lễ bộ bàn định quy thức Văn miếu ở các thành dinh trấn. (Quy chế miếu thì chính đường ba gian bốn chái, tiền đường năm gian hai chái, phía hữu dựng đền Khải thánh ba gian hai chái). Phàm nhà cửa, biển ngạch, bài vị, đồ thờ, cho đến nghi tiết tế tự, đều chép làm giáp lệnh để ban hành*”<sup>11</sup>. Ngay sau đó vào tháng Bảy cùng năm, vua Gia Long cũng quyết định việc thờ bài vị trong Văn Miếu mà không còn thờ tượng thần. Đến đây có thể xem là về điển lệ khá đầy đủ về các quy định trong việc xây dựng và tế tự ở Văn Miếu. Tiếp đến vào năm 1814 để giữ nghiêm điển lệ tế tự Văn Miếu, vua Gia Long lại dụ “*Gia Long năm thứ 13 (1814), dụ rằng: Văn Miếu là điển lệ cúng tế của nhà nước, rất long trọng, quan lại địa phương sở tại và các dịch quân cần cẩn thận giữ gìn công việc của mình, để tỏ ra tôn kính. Đặc biệt, chuẩn cho Bộ bàn định điều lệ, để làm quy tắc nhất định. Phải kính theo dụ này*”<sup>12</sup>.

Đến năm 1832, Bộ Công cho rằng từ trước đến nay các địa phương xây dựng đều là việc tới nơi mới trừ tính, trong đó công trình lớn, bé, rộng, hẹp, không đều. Nay đã chia đặt tỉnh rồi nên cần quy chế sẵn để thống nhất. Nơi nào đã có công trình rồi thì cứ như cũ, còn từ nay có xây dựng thì theo mẫu mới, trong đó ban hành quy

<sup>8</sup> Theo bài “*Une stèle de Gia-Long relative au Van-Miêu - Tầm bia đời Gia Long liên quan đến Văn Miếu*” của Nguyễn Văn Trinh và Ứng Trinh dịch nội dung văn bia đăng trong tạp chí B.A.V.H số IV (Oct-Déc) năm 1917 (trang 260), theo nội dung trong bia thì “*đến tháng Giêng niên hiệu thứ hai (tháng Hai năm 1803) chúng ta mới đến Văn Miếu lần đầu*”. Như vậy rất có thể sau khi viếng Văn Miếu lần đầu sau 30 năm chiến tranh, quay về vua Gia Long đã ra lệnh lập hệ thống nhà Văn Miếu trên toàn quốc vào thời gian này.

<sup>9</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 546.

<sup>10</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 643.

<sup>11</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 725.

<sup>12</sup> Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự liệu - Tập 13*, NXB Thuận Hóa, trang 369.

định về các vấn đề liên quan đến quy cách xây dựng Văn Miếu “[Tháng 5 năm Nhâm Thìn (1832)] Các toà nhà Văn miếu : chính đường 3 gian, 2 chái, tiền đường 5 gian, hợp làm 1 toà, và mái hiên đằng trước, ngang 3 trượng, 6 thước, 5 tấc, dài 3 trượng, 4 trước, 2 tấc. Đền Khải thánh 3 gian, 2 chái, ngang 2 trượng, 1 thước, 2 tấc, dài 3 trượng. Nhà vuông 2 toà, mỗi toà 1 gian, 2 chái, ngang và dài đều 1 trượng, 7 thước, 5 tấc. Nghi môn 1 bức, xây 4 trụ bằng gạch đều dày 1 thước, 1 tấc, nền dài 1 trượng, 8 thước, 3 tấc, ngang 7 thước, 2 tấc, cao 5 tấc”<sup>13</sup>. Như vậy từ đây hệ thống Văn Miếu hàng tỉnh khi xây dựng mới hoặc xây dựng lại phải tuân thủ theo quy định này. Đến năm 1838, định bổ sung kiểu mẫu liên quan xây dựng Văn Miếu “[Tháng 4 năm Mậu Tuất] Định lại kiểu mẫu Văn miếu ở các địa phương (Kiểu cũ : nhà vuông 2 toà, mỗi toà 1 gian 2 chái, đổi làm hai dãy nhà 2 bên tả hữu, mỗi toà đều 5 gian, xây bằng tường gạch để bày các vị thờ phật)”<sup>14</sup>. Ở đây có thể hiểu đây là quy định hai dãy nhà Tả Vu, Hữu Vu nằm phía trước và ở hai bên chính điện Văn Miếu. Trước đó vào năm 1837 định lại điển lễ ở Văn Miếu và đền Khải Thánh “[Tháng 10 năm Đinh Dậu] Định lại điển lễ ở Văn miếu và đền Khải Thánh. Trước đây, vua cho là từ trước đến nay, nghị định lễ lệ ở Văn miếu và đền Khải Thánh ở Kinh và tỉnh ngoài, vẫn chưa chu đáo đầy đủ, sai bộ Lễ xem xét điển cũ, phân biệt bản tâu, lại sai đình thần bàn lại, đến nay lời bàn dâng lên, vua chuẩn cho bắt đầu thi hành từ ngày Xuân tế năm Mậu Tuất sang năm”<sup>15</sup>.

Như vậy, đến giai đoạn này các quy định điển lễ về Văn Miếu coi như hoàn chỉnh, góp phần vào công cuộc phục hưng chữ thánh hiền, đề cao tinh thần Nho giáo của xã hội Việt Nam thời phong kiến. Tiếp theo sau đó các Văn Miếu hàng tỉnh lần lượt được xây dựng trải khắp Việt Nam và trở thành một trong những nghi lễ tế tự quan trọng bậc nhất của chính quyền địa phương hàng tỉnh.

Tổng kết lại quy định của một tòa Văn Miếu hàng tỉnh sau năm 1838 nếu xây mới có cấu trúc gồm:

- Tường bao bên ngoài (dù không có quy định);
- Nghi môn gồm 4 cột gạch và bình phong;
- Chính đường gồm ba gian hai chái;
- Tiền đường gồm 5 gian và hợp với chính đường thành 1 toà;
- Tả vu hữu vu gồm hai tòa nhà song song phía trước, mỗi tòa đều 5 gian;

<sup>13</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 3*, NXB Giáo dục 2006, trang 322.

<sup>14</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 5*, NXB Giáo dục 2006, trang 306.

<sup>15</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 5*, NXB Giáo dục 2006, trang 183.

- Đền Khải Thánh ba gian hai chái, dựng về bên hữu Văn Miếu;

Cụm công trình Văn Miếu địa phương cùng với điển lễ tế tự theo quy định của bộ Lễ với nhiều nghi thức tế tự, lễ sinh, miếu phu... làm nên một công trình Văn Miếu hàng tỉnh ở địa phương. Tuy nhiên đây là chuẩn mực nhưng vẫn có một số công trình khác biệt như Văn Miếu Hà Nội, Văn Miếu Biên Hòa,... có quy mô rất đồ sộ và đó là kết tinh của văn hóa Việt Nam trải qua hàng trăm đến hàng ngàn năm. Một số Văn Miếu có bia vinh danh, bia công đức... đặt trong khuôn viên cùng một số đền thờ, nhà kho, nhà bếp... Tuy nhiên các điều này có lẽ do địa phương bố trí và không đưa vào quy định chung ở trên.

Một vấn đề nữa là ở thời nhà Nguyễn, trong tổng số 15 đơn vị hành chính tương đương tỉnh từ Quảng Bình vào Nam Kỳ, có 12 tỉnh xây dựng Văn Miếu, chỉ có 3 tỉnh không xây dựng Văn Miếu là tỉnh An Giang, Định Tường và Hà Tiên. Tuy nhiên cần biết rằng việc không xây dựng công trình Văn Miếu khác với việc không có tế tự Văn Miếu, hiểu rộng ra thì Văn Miếu là một công trình rất quy mô, trong khi tế tự Văn Miếu có thể đặt ở tại một tòa nhà Văn Miếu chuyên dụng làm nơi để tế tự của tỉnh đó (nơi nào chưa xây dựng Văn Miếu thì có) hoặc tại Văn Miếu đã xây dựng. Điều này được đưa ra sau khi căn cứ vào hai thông tin, 1. Năm 1803 vua Gia Long “*Sai các dinh trấn đều lập nhà Văn miếu*”; 2. Ba tỉnh Định Tường, An Giang, Hà Tiên là ba tỉnh không xây dựng công trình Văn Miếu, tuy nhiên theo điển lệ nhà Nguyễn thì ba tỉnh này cũng như các tỉnh khác, đều có bộ phận phục vụ Văn Miếu “*Tỉnh Định Tường: Lễ sinh hiệu ở Văn Miếu: 1 tự thừa, 12 lễ sinh. - Tỉnh An Giang: Lễ sinh hiệu ở Văn Miếu: 1 tự thừa, 15 lễ sinh. - Tỉnh Hà Tiên: Lễ sinh hiệu ở Văn Miếu: 1 tự thừa, 12 lễ sinh...*”<sup>16</sup>. Như vậy điều này cho chúng ta biết dù không xây dựng công trình Văn Miếu nhưng ba tỉnh này vẫn có bố trí nhà Văn Miếu thờ cúng và ban lễ sinh phục vụ tế tự Văn Miếu. Có thể khẳng định việc tế tự Văn Miếu là việc thường xuyên của chính quyền trung ương và địa phương vào hàng năm, cho dù có công trình Văn Miếu hay không.

Như vậy qua kết quả khảo sát cho thấy điển lệ Văn Miếu thời Nguyễn cũng chuyển biến trong một thời gian khá dài và đi từ những vấn đề nhỏ đến vấn đề lớn, từ cách thức xây dựng và nghi thức tế tự cho Văn Miếu, cho đến những vấn đề gián tiếp kể cả quy định về chức quan tự thừa hàm hay quy định ba năm một lần nhà vua đứng ra tế lễ ở Văn Miếu kinh thành. Những vấn đề liên quan chi tiết từng loại có quy định

---

<sup>16</sup> Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ - Tập 2*, NXB Thuận Hóa, trang 174-175.

rõ theo Nội các triều Nguyễn<sup>17</sup>. Những vấn đề này làm nên một nghi thức đặc biệt, nghi thức Tế Xuân và Tế Thu tại Văn Miếu ở tháng Hai và tháng Tám vào ngày Đinh, diễn ra trên khắp cả nước. Mỗi công trình Văn Miếu là một công trình văn hóa - tín ngưỡng đồ sộ, xứng tầm ở nơi tọa lạc, đặc biệt một số công trình Văn Miếu lớn như Văn Miếu kinh thành, Văn Miếu Hà Nội, Văn Miếu Biên Hòa... đó thật sự là những công trình kỳ vĩ, đặc trưng cho nền văn hóa phương Đông trọng chữ thánh hiền và đề cao khoa cử hàng ngàn năm./.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH**

1. Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ - Tập 2*, NXB Thuận Hóa.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, tập 1*, NXB Giáo dục, 2002.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục, tập 3, 5*, NXB Giáo dục, 2006.

---

<sup>17</sup> Các quy định chi tiết bày nằm trong sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* do Nội các triều Nguyễn biên soạn.